

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ S
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 01/6/2021
V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ S**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Tiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Ký
2. Bà Trần Thị Phương Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Quách Thị Giang – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã S, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:
Ông Phan Văn Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968; địa chỉ: Khu phố P, phường X, thị xã S, Phú Yên. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1971; địa chỉ: Khu phố P, phường X, thị xã S, Phú Yên. Vắng mặt (Có yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/4/2020, quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H (bà H) trình bày: Tôi và ông Nguyễn Hữu H (ông H) tự nguyện tìm hiểu, sống chung vào khoảng năm 1988 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống bà H, ông H có 02 con chung. Bà H, ông H chung sống với nhau nhưng

thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nên cuộc sống không hạnh phúc. Nguyên nhân là do ông H mắng chửi bà dẫn đến ông bà cãi vã. Bà cố gắng chịu đựng nhiều năm nay nhưng ông H không thay đổi. Hiện tại bà và ông H đều có cuộc sống riêng, không quan tâm đến nhau. Bà xác định không thể hàn gắn tình cảm để bà và ông H cùng sống chung với nhau nữa nên yêu cầu Tòa giải quyết không công nhận bà và ông H là vợ chồng.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị L - sinh ngày 16/9/1990 và Nguyễn Hữu Tr - sinh ngày 05/7/1993. Các con đã thành niên, không khuyết tật, có khả năng lao động nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Nguyễn Hữu H (ông H) trình bày: Thống nhất lời trình bày của bà H. Ông và bà H tự nguyện tìm hiểu và cùng chung sống từ năm 1988. Năm 1990 sinh con gái đầu, năm 1993 sinh thêm 01 con trai. Ông và bà H chung sống hạnh phúc nhưng trong khoảng thời gian từ 02 năm trở lại thì bà H thay đổi tính tình, cuộc sống của ông bà không còn hạnh phúc. Nay bà H yêu cầu Tòa không công nhận ông và bà H không phải vợ chồng thì ông đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị L - sinh ngày 16/9/1990 và Nguyễn Hữu Tr - sinh ngày 05/7/1993. Các con đã thành niên, không khuyết tật, có khả năng lao động nên ông không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã S phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử tuân theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Các đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà H, tuyên bố bà H và ông H không phải là vợ chồng; các đương sự không yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung nên đề nghị HĐXX không xem xét. Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Xét yêu cầu của bà H yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng thuộc tranh chấp về hôn nhân và gia đình; bị đơn ông H có hộ khẩu thường trú tại Khu phố P, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của

Tòa án nhân dân thị xã S theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà H và ông H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1988 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định là vi phạm Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986. Nay bà H yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông H, căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp không công nhận bà H và ông H là vợ chồng.

[3] *Về con chung*: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị L - sinh ngày 16/9/1990 và Nguyễn Hữu Tr – sinh ngày 05/7/1993. Các con đã thành niên, không khuyết tật, có khả năng lao động. Bà H và ông H không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xem xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xem xét.

[5] *Về án phí*: Nguyên đơn bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp; Điều 147, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Hữu H không phải là vợ chồng.

2. Về con chung: Không giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000

đồng tại Biên lai thu tiền số AA/2019/0005178 ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã S, tỉnh Phú Yên.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự (02);
- VKSND TX.Sông Cầu (02);
- TAND tỉnh Phú Yên (01);
- Chi cục THA TX.Sông Cầu (01);
- Ấn văn (01);
- Lưu hs (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Phạm Thị Ngọc Tiên